

BỘ THỦY SẢN
Số: 14/QĐ-KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Về việc ban hành Quy chế đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành thuỷ sản

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 21/6/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 8/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-LB ngày 24/5/1996 của liên Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/CP;

Căn cứ Thông tư số 03 TT/TCCB-LĐ ngày 19/8/1996 của Bộ Thủy sản hướng dẫn phân công thực hiện quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá thuỷ sản;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ/TĐC ngày 28/10/1996 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ban hành Quy định về việc đăng ký chất lượng hàng hoá;

Xét đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành Thủy sản".

Điều 2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá chuyên ngành thuỷ sản bắt buộc phải đăng ký chất lượng và các cơ quan cấp đăng ký chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Cục trưởng Cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Vụ trưởng các Vụ tổ chức cán bộ lao động, Vụ Khoa

học Công nghệ, Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các nội dung của Quy chế đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành thuỷ sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1997./.

QUY CHẾ

ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ CHUYÊN NGÀNH THUỶ SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 QĐ/KHCN ngày 09 tháng 01 năm 1997
của Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định thống nhất nội dung, thủ tục đăng ký và cấp đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành thuỷ sản (dưới đây gọi tắt là hàng hoá CNTS) thuộc danh mục bắt buộc đăng ký chất lượng do Bộ Thuỷ sản công bố hàng năm.

Điều 2. Các tổ chức hoặc cá nhân (dưới đây gọi tắt là cơ sở) sản xuất, kinh doanh hàng hoá thuộc danh mục nói tại Điều 1 phải đăng ký chất lượng hàng hoá theo Quy chế này, bao gồm:

1. Cơ sở sản xuất, gia công, chế biến hàng hoá, ương nuôi giống thuỷ sản (kể cả cơ sở hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).
2. Cơ sở làm đại lý độc quyền, tổng đại lý cho nước ngoài tiêu thụ hàng hoá tại Việt Nam.
3. Cơ sở kinh doanh sang bao, đóng gói hàng hoá nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan cấp đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS (dưới đây gọi tắt là cơ quan cấp đăng ký) là Cục bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản (BVNLTS) và các Chi cục BVNLTS.

Cục BVNLTS chịu trách nhiệm cấp đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS cho các cơ sở thuộc Trung ương quản lý và các cơ sở được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Cục BVNLTS có thể uỷ quyền cho các Chi Cục BVNLTS cấp đăng

ký chất lượng hàng hoá CNTS cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc Trung ương quản lý đóng tại địa phương.

Chi Cục BVNLTS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm cấp đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa phương quản lý và các cơ sở do Cục BVNLTS uỷ quyền.

Điều 4. Việc đăng ký và cấp đăng ký chất lượng hàng hoá được thể hiện bằng một văn bản thống nhất, gọi là bản đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành Thủy sản.

Thời hạn hiệu lực của Bản đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS là 01 năm. Khi hết thời hạn, cơ sở phải xin gia hạn đăng ký nếu còn tiếp tục sản xuất, kinh doanh hàng hoá đó. Thời hạn gia hạn đăng ký chất lượng có hiệu lực là 01 năm.

Bản đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS không có giá trị thay cho:

Giấy chứng nhận chất lượng.

Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Phiếu kết quả thử nghiệm (đối với hàng hoá có yêu cầu nghiên cứu trước khi đưa vào sử dụng).

Điều 5. Các hàng hoá CNTS nói tại Điều 1 chỉ được phép tiêu thụ trên thị trường sau khi đã đăng ký chất lượng theo Quy chế này.

Điều 6. Căn cứ đăng ký chất lượng hàng hoá:

1. Các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và Tiêu chuẩn ngành (TCN) bắt buộc áp dụng hoặc khuyến khích áp dụng.
2. Các quy định của Bộ Thủy sản và của các Bộ có liên quan.
3. Các tiêu chuẩn khác (kể cả tiêu chuẩn của cơ sở và tiêu chuẩn của nước ngoài) mà cơ sở tự nguyện áp dụng.
4. Các quy định về chất lượng nêu trong hợp đồng đại lý tiêu thụ hàng hoá cho nước ngoài hoặc nhập khẩu để sang bao gói và tiêu thụ tại Việt Nam.

Các văn bản nói tại khoản 2, 3, 4 của Điều này phải có đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu đối với từng loại hàng hoá, đồng thời không trái với các TCVN, TCN bắt

buộc áp dụng và những quy định khác về vệ sinh, an toàn và môi trường do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG

Điều 7. Hồ sơ đăng ký chất lượng hàng hoá:

1. Hồ sơ đăng ký chất lượng hàng hoá lần đầu được lập thành 2 bộ, mỗi bộ gồm:

Bản sao Giấy phép hành nghề hợp pháp, cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh đúng ngành hàng của sản phẩm đăng ký chất lượng.

Bản đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS do cơ sở tự khai cho riêng từng loại hàng hoá (theo mẫu 01-TS/ĐKCL).

Bản sao tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá đăng ký (trừ TCVN và TCN).

Mẫu nhãn sản phẩm có đóng dấu của cơ sở đăng ký.

Bản sao phiếu xác nhận kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng của tổ chức được Bộ Thủy sản chỉ định (đối với hàng hoá có yêu cầu nghiên cứu trước khi đưa vào sử dụng và bảo hành theo danh mục riêng do Bộ Thủy sản quy định).

Bản hướng dẫn sử dụng và bảo hành hàng hoá (nếu có).

2. Nội dung nhãn sản phẩm:

Nhãn sản phẩm phải thể hiện được các đặc tính, công dụng và nguồn gốc của hàng hoá:

Tên sản phẩm

Tên cơ sở sản xuất.

Địa chỉ cơ sở sản xuất.

Số đăng ký chất lượng.

Các đặc tính của hàng hoá trong một đơn vị bao gói: Quy cách, các chỉ tiêu và mức chất lượng chính, khối lượng, số lượng.

Thời hạn bảo hành (nếu có).

Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng (đối với hàng hoá có thời hạn sử dụng nhất định).

Đối với hàng hoá nhập khẩu sang bao đóng gói để tiêu thụ tại Việt Nam, trên nhãn sản phẩm phải ghi thêm:

Tên nước, hãng sản xuất.

Tên cơ sở sang bao, đóng gói.

Điều 8. Hồ sơ gia hạn đăng ký chất lượng hàng hoá, gồm:

Đơn của cơ sở đề nghị cho gia hạn đăng ký chất lượng hàng hoá (trong đó khẳng định không có bất cứ sự thay đổi nào về chất lượng và nhãn sản phẩm của hàng hoá xin gia hạn so với lần đăng ký trước).

Phiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá được thực hiện trong thời hạn không quá 3 tháng tính đến ngày xin gia hạn.

Hồ sơ đăng ký chất lượng hàng hoá đã được cấp đăng ký chất lượng lần trước.

Điều 9. Thủ tục xét và cấp đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS lần đầu:

1. Khi nhận hồ sơ, cơ quan cấp đăng ký căn cứ vào các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 để xem xét và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu.

Cơ quan cấp đăng ký phải trả lời cho cơ sở đăng ký trong thời hạn không quá 5 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Khi đủ điều kiện để cấp đăng ký chất lượng, cơ quan cấp đăng ký thực hiện:

Cấp sổ đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS, đóng dấu vào bản đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS và nhãn sản phẩm kèm theo.

Vào sổ đăng ký và đăng bạ.

Thu các khoản lệ phí đăng ký chất lượng theo quy định.

Trao cho cơ sở đăng ký một bộ hồ sơ đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS và lưu một bộ.

3. Khi không đủ điều kiện để đăng ký chất lượng, cơ quan cấp đăng ký thông báo lý do cho cơ sở đăng ký biết.

Điều 10. Thủ tục gia hạn đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS:

1. Khi đủ điều kiện gia hạn đăng ký chất lượng, cơ quan cấp đăng ký quy định thời gian gia hạn, đóng dấu vào hai bộ hồ sơ đăng ký chất lượng hàng hoá CNTS đã